

Số: 2665720

	THACO LINKER T3-5.0	SINOTRUK 4x2
Giá niêm yết:	499.000.000đ	850.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	4.650 x 1.870 x 2.340 mm	6.255 x 2.500 x 3.840 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	2.500 x 1.600 x 500 mm (~2,0 m ³)	
Chiều dài cơ sở	2.300 mm	3.600 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.424 / 1.294 mm	2.040/1.860 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	2.810 kg	6.135 kg
Khối lượng chở cho phép	1.990 kg	9.630 kg
Khối lượng toàn bộ	4.995 kg	15.895 kg
Số chỗ ngồi	3 chỗ	2 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAİ - WP2.3Q95E50	WEICHAİ WP7.300E51
Loại động cơ	Diesel, 4 xy lạnh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)	Diesel, 6 xy lạnh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (ECU)/
Dung tích xi lanh	2.289 cc	7.470 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	95 / 3.000 Ps/(vòng/phút)	300/2.100 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	245 / 1.200 ~ 2.600 N.m/(vòng/phút)	1.250/1.200-1.600 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí
Hộp số	WANLIYANG - 8MT (8 số tiến, 2 số lùi)	FAST GEAR 9JS135A (09 số tiến, 01 số lùi)
Tỷ số truyền	ih1= 9,785; ih2=6,477; ih3=4,421; ih4=3,219; ih5=2,213; ih6=1,435; ih7=1,000; ; ih8=0,728; iR1=9,785; iR2=2,213	ih1 = 11,02; ih2 = 6,55; ih3 = 4,64; ih4 = 3,36; ih5 = 2,46; ih6 = 1,95; ih7 = 1,38; ih8 = 1,00; ih9 = 0,73; iR: 11,52
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Cơ cấu phanh loại tang trống, dẫn động khí nén 2 dòng	Khí nén 2 dòng
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Nhíp ít lá, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá	Nhíp ít lá, 2 tầng
LỐP XE:		
Trước/Sau	6.50-16	12R22.5
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	51,9 %	52,8 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,24 m	7,1 m
Tốc độ tối đa	82 km/h	98 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	60 lít	400 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít – êcu bi, dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực	Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực